

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2021.
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1119/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Thanh L, sinh năm: 1992 (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ tạm trú: Số nhà 12, Đường số 57, Tổ 07, ấp T1, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Thị Ngọc N, sinh năm: 1996 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 12, Đường số 57, Tổ 07, ấp T1, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn ông Bùi Thanh L trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu ông Bùi Thanh L và bà Thị Ngọc N tiến đến hôn nhân. Ngày 22/9/2015, ông L và bà N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện

G, tỉnh Kiên Giang; theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 162, Quyền số: 01/2015. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhiều lần cãi vã, gây gổ, không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng quan điểm, ông L cảm thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống nên có nguyện vọng được ly hôn với bà Thị Ngọc N.

Về con chung có 01 con chung: Tên Bùi Thị Tường V, sinh ngày 23/3/2016. Hiện tại ông L đang nuôi con chung nên yêu cầu tiếp tục được quyền nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự: Ông L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông L tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Bị đơn bà Thị Ngọc N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Bùi Thanh L và bà Thị Ngọc N là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là Thị Ngọc N hiện cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn là bà Thị Ngọc N đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Thị Ngọc N vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Thị Ngọc N theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Thanh L và bà Thị Ngọc N có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 13, Quyền số: 01/2010 ngày 18/01/2010 đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông L nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, ông L đã nhiều lần khuyên nhủ bà N để bà N thay đổi nhưng bà N vẫn không thay đổi. Ông L nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, Ông L không còn tình cảm với bà N nên yêu cầu được ly hôn với bà Thị Ngọc N.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án bà Thị Ngọc N không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với ông L. Trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành triệu tập

nhiều lần bằng cách tổng đạt cho bà Thị Ngọc N biết sự việc trên nhưng bà N vẫn không đến Tòa án, không có bất cứ tác động nào cho thấy bà N muốn hàn gắn quan hệ gia đình với ông L nên Hội đồng xét xử xét thấy ông L xin ly hôn với bà N là yêu cầu chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà N.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Tường V, sinh ngày 23/3/2016. Hiện tại con chung đang sống cùng ông L, ông L yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Bùi Thị Tường V đang sinh sống cùng ông Bùi Thanh L, ông L đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và sinh sống ổn định cùng trẻ V. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ V, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên giao trẻ V cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với bà N cho đến khi ông L có yêu cầu

[5] Về tài sản chung: Ông L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: ông L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông L tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Thanh L là được ly hôn với bà Thị Ngọc N.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 162, Quyền số: 01/2015 ngày 22/09/2015 của UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp cho ông Bùi Thanh L và Thị Ngọc N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 01 con chung tên: Bùi Thị Tường V, sinh ngày: 23/3/2016.

Giao con chung tên Bùi Thị Tường V cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với bà N cho đến khi ông L có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Ông L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Ông L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Bùi Thanh L tự chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0084774 ngày 14/10/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Ông L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang..
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc

